

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương

2. Ông Lê Chánh Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn P, xã C, huyện L, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Lê V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh K. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với cha mẹ của chị tại tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung

sống, vợ chồng không hạnh phúc do không có thời gian tìm hiểu nhau trước khi tiến đến hôn nhân, vợ chồng chỉ chung sống một thời gian ngắn thì anh Lê V bỏ đi nơi khác sinh sống, hiện nay vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau; hơn nữa khi chị mang thai thì anh Lê V không thừa nhận thai nhi là của vợ chồng nên gây áp lực làm chị bị sảy thai. Chị xác định đã hết tình cảm vợ chồng với anh Lê V nên yêu cầu được ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị và anh Lê V không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thanh B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Khánh Hòa. Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của chị Trần Thị Thanh B ở xã C, huyện L, tỉnh Khánh Hòa, thời gian vợ chồng chung sống tổng cộng chỉ khoảng 01 tuần, vì lý do công việc nên vợ chồng mỗi người sống một nơi. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên thời gian vợ chồng sống xa cách thì cả anh và chị Trần Thị Thanh B đều ít khi quan tâm, chia sẻ với nhau, không có điều kiện để thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng. Đến nay, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Trần Thị Thanh B nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh B.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Thanh B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia phiên tòa phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng pháp luật; Đương sự chấp hành pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh B, về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh B được ly hôn với anh Lê V; về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra xem xét tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê V, sinh năm 1990. Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh B và anh Lê V tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Khánh Hòa, không vi phạm quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của họ là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Trần Thị Thanh B và anh Lê V là vợ chồng nhưng từ lâu không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau; thời gian chung sống ngắn nên tình cảm vợ chồng chưa thật sự gắn kết; quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị Trần Thị Thanh B và anh Lê V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đều yêu cầu được ly hôn. Điều này chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Trần Thị Thanh B yêu cầu được ly hôn với anh Lê V là có cơ sở, phù hợp với quy định tại 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về việc nuôi con: Không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Trần Thị Thanh B và anh Lê V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, Điều 9 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh B về việc “Tranh chấp ly hôn” với anh Lê V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh B được ly hôn với anh Lê V.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị Thanh Bích đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028439 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Chị Trần Thị Thanh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Thanh B và anh Lê V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Phương

